

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ FGS BẾN TRE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ FGS BẾN TRE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FGS BEN TRE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CTY CP ĐT FGS BẾN TRE

2. Mã số doanh nghiệp: 1301127065

3. Ngày thành lập: 15/09/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

183, Ấp Mỹ Hòa, Xã Bình Phú, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0947 962 319

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ lâm sản và động vật pháp luật cấm kinh doanh)	4620(Chính)
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm (trừ bán buôn động vật hoang dã PL cấm kinh doanh)	4632
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	4663
10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
11.	Trồng lúa	0111
12.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
13.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
14.	Trồng cây mía	0114
15.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
16.	Trồng cây lấy sợi	0116
17.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
18.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118

19.	Trồng cây hàng năm khác	0119
20.	Trồng cây ăn quả	0121
21.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
22.	Trồng cây điều	0123
23.	Trồng cây hồ tiêu	0124
24.	Trồng cây cao su	0125
25.	Trồng cây cà phê	0126
26.	Trồng cây chè	0127
27.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
28.	Trồng cây lâu năm khác	0129
29.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
30.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
31.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
32.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
33.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
34.	Khai thác thủy sản biển	0311
35.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
36.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
37.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
38.	Dịch vụ đóng gói	8292
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
40.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
41.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
42.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
43.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ đấu giá bất động sản, trừ đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
44.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Giám định, kiểm định chất lượng hàng hóa	7120
45.	Cho thuê xe có động cơ	7710
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
47.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở)	4719
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
50.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
52.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
53.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
54.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bến bãi đỗ xe, trừ kinh doanh bất động sản)	5210
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
56.	Bốc xếp hàng hóa	5224
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
59.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và kinh doanh	3600
60.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
61.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
62.	Thu gom rác thải độc hại	3812
63.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
64.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
65.	Tái chế phế liệu	3830
66.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
67.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng)	4752
68.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
69.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
70.	Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 345.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI CHÍ HIẾU	18/45/10-12 Vườn Chuối, Phường 04, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	29.325. 000	293.250.000.00 0	85,000	0830780183 93	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	29.325. 000	293.250.000.00 0	85,000		
2	NGUYỄN THỊ DIỄM THI	04B/1, Hòa Chánh, Xã Sơn Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.450.0 00	34.500.000.000	10,000	0831960127 35	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.450.0 00	34.500.000.000	10,000		

3	NGUYỄN THỊ MỸ CHI	04B/1, Hòa Chánh, Xã Sơn Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.725.000	17.250.000.000	5,000	083199006435
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.725.000	17.250.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MỸ CHI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 26/06/1999 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083199006435

Ngày cấp: 06/07/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 04B/1, Hòa Chánh, Xã Sơn Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 04B/1, Hòa Chánh, Xã Sơn Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre